

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi  
đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công  
lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày  
18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm  
2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban  
hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 3104/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024; Báo cáo thẩm tra số 524/BC-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban

nhân dân Thành phố.

- b) Người đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập nêu tại điểm a khoản này.
- c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Nội dung và mức thu**

### **1. Nội dung**

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

- a) Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa theo quy định.
- b) Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án được phê duyệt.
- c) Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú.
- d) Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh.

Nội dung thu cụ thể theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

2. Mức thu đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập: Theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

3. Các khoản thu và mức thu đối với cơ sở giáo dục thường xuyên: Áp dụng mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tương đương với mức thu của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đang được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ hoặc các trường hợp đang được hưởng chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND Thành phố về chương trình giảm nghèo bền vững TP.HCM giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của HĐND Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh thật sự khó khăn trên địa bàn Thành phố không đóng các khoản thu nêu

tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

### **Điều 3. Cơ chế quản lý thu chi**

1. Các mức thu quy định tại Nghị quyết này là mức thu tối đa. Tùy tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh, cơ sở giáo dục thống nhất với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết này và không được cao hơn 15% so với năm học 2022 - 2023.

2. Các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện và thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

3. Đối với khoản thu tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến đối với mức thu của trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” theo phân cấp quản lý và không vượt quá mức thu tối đa được quy định tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

4. Thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thời gian thực hiện: Năm học 2023 - 2024.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

---

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**Phụ lục**  
 Quyết định thành lập và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các định vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024  
 (theo Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)



STT	Nội dung	Mức thu đã ấn với Năm 1				Mức thu đã ấn với Năm 2				Chú thích
		Mã số môn	Tiền học phí/tháng	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mã số môn	Tiền học phí/tháng	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu phục vụ các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa</b>									
1	Tiền tố chức 2 buổi/lớp		150,000	200,000	300,000		135,000	180,000	280,000	Áp dụng đối với các đơn vị trường học thực hiện chế độ dạy 2 buổi/ngày (không áp dụng cho lớp 1, lớp học 4)
2	Tiền tố chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ		100,000	200,000	200,000		90,000	180,000	270,000	
3	Tiền tố chức dạy Tin học									
3.1	Tiền tố chức dạy các lớp tin học tự chọn		50,000	50,000	50,000		30,000	30,000	30,000	
3.2	Tiền tố chức dạy tăng cường môn Tin học		70,000	100,000	240,000		60,000	90,000	220,000	
4	Tiền tố chức hoạt động giáo dục lấy năng sáng và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa									
4.1	Tiền tố chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, đầu tư học	80,000	120,000	100,000	150,000	80,000	80,000	100,000	100,000	
4.2	Tiền tố chức Giáo dục STEM	120,000	120,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	
4.3	Tiền tố chức Học tiếng Anh	90,000	90,000	130,000	200,000	90,000	90,000	160,000	160,000	
4.4	Tiền tố chức Học bơi		250,000	220,000	180,000		250,000	220,000	180,000	Sơ Chiếu dạy và Đào tạo chấp nhận miễn giảm học phí đối với học sinh là con em của gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo quy định
4.5	Tiền tố chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	480,000	260,000	260,000	300,000	400,000	280,000	260,000	290,000	
4.6	Tiền tố chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	250,000	250,000	250,000	250,000	190,000	150,000	250,000	250,000	
4.7	Tiền tố chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	550,000	550,000	600,000	600,000		500,000	600,000		
5	Tiền tố chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp				10,000				9,000	
6	Tiền tố chức một dạy trẻ mầm non trong hè	500,000		10,000	10,000	500,000		9,000	9,000	
7	Tiền tố chức một dạy trẻ mầm non trong hè	500,000				500,000				
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án</b>									
8	Tiền tố chức các lớp học Đề án "Đẩy mạnh đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông" và Đề án "Đẩy mạnh đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông" (theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)		3,600,000	3,600,000	8,100,000		3,600,000	3,600,000	8,100,000	Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố
9	Tiền tố chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và năng lực sáng tạo của học sinh, sinh viên" (theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)		150,000	180,000	120,000		150,000	180,000	120,000	Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố
10	Tiền tố chức thực hiện Đề án "Trường thực hiện chương trình chất lượng cao" (Trường tiểu học, cấp tiểu học quốc lập)	1,725,000	1,725,000	1,725,000	1,725,000	1,725,000	1,725,000	1,725,000	1,725,000	Quyết định số 072023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố
11	Tiền thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	Theo phương án tài chính của chương trình kích cầu đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố, phê duyệt
<b>III</b>	<b>Các khoản thu phục vụ các hoạt động khác</b>									
12	Tiền tố chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bảo trì	550,000	350,000	300,000	200,000	500,000	320,000	280,000	200,000	
13	Tiền phục vụ ăn sáng	210,000	60,000			250,000	90,000			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa đối với Nhóm 1				Mức tối đa đối với Nhóm 2				Ghi chú	
			Mã đơn	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mã đơn	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông		
			Mã đơn	430.000	200.000	200.000	200.000	400.000	200.000	200.000		200.000
14	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm										
15	Tiền giữ trẻ miễn học phí	đồng/học sinh/giờ										
16	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo MQ/04/03/TKQ-HEND ngày 06/7/2017 và NQ/04/07/TKQ-HEND ngày 23/03/2021	đồng/học sinh/tháng										
16.1	Nhà trẻ	đồng/học sinh/tháng	260.000						260.000			
16.2	Mẫu giáo	đồng/học sinh/tháng	160.000						160.000			
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh											
17	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	đồng/học sinh/lot	200.000	300.000	400.000	300.000	150.000	250.000	350.000	450.000		
18	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu											
18.1	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000		
18.2	Học cụ - học liệu	đồng/học sinh/năm	550.000	250.000			450.000	200.000				
19	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/giờ	35.000	35.000	35.000	35.000	32.000	32.000	32.000	32.000		
20	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/giờ	20.000	20.000			30.000	30.000				
21	Tiền thuốc uống	đồng/học sinh/tháng	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000		
22	Tiền khám sức khỏe học sinh bán trú (Được khám khám nửa học/năm)	đồng/học sinh/năm	70.000	60.000	50.000	50.000	65.000	55.000	45.000	45.000		
23	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học sử dụng loại điều hòa, chỉ ghi báo tin máy lạnh	đồng/học sinh/tháng	50.000	45.000	35.000	35.000	50.000	45.000	35.000	35.000	Áp dụng đối với các trường - lớp có trang bị máy lạnh do túi từ...	
24	Tiền điện và tiền tích lũy lương công nghệ thông tin và chuyên môn	đồng/học sinh/tháng	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000		
25	Tiền trong giờ xe học sinh	đồng/học sinh		2.000	2.000	2.000		2.000	2.000	2.000		
26	Tiền bù chi trả xe đưa đón học sinh											
26.1	Tuyến đường dân sinh	đồng/học sinh/năm	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
26.2	Tuyến đường từ Sân trường	đồng/học sinh/năm	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000		

Ghi chú:

- 1. Phụ lục nội dung:
- + Nhóm 1: Học sinh học, học viên 10 các trường ở Thành phố Thủ Đức và các quận 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.
- + Nhóm 2: Học sinh, học viên học tại các trường ở các huyện Bình Chánh, Bắc Tân Uyên, Củ Chi, Hòa Bình và Củ Chi.

2. Tất cả các khoản thu về Phí học, phụ cấp, phụ cấp dạy, chi phí... Cơ chế quản lý thu chi của Nhà trường.

3. Giá tính từ ngày:

- Tiền điện và chi phí sinh hoạt hàng ngày hàng tháng: phần số tiền học sinh, phần số tiền học sinh, phần số tiền học sinh...
- Tiền ăn, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: gạo, bún, mì, trứng, sữa, dầu, nước, thịt, cá, rau, củ, quả... phục vụ học sinh bán trú.